|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành đào tạo** | **Số SVTN** | | **Số SV phản hồi** | |
| Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | *…* |  |  |  |  |  |
| 2 | *…* |  |  |  |  |  |
| 3 | *…* |  |  |  |  |  |
| n | *…* |  |  |  |  |  |

***Chú ý:***

(2) (3) Mã, tên ngành: Ghi đúng quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017, không viết tắt, không thêm dấu chấm, dấu phẩy ở cuối.

Ví dụ: (2) **7210234** (3) **Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình**; mỗi ngành báo cáo tổng số cuối cùng trong một dòng, ***không báo cáo theo chuyên ngành***. (Các mã ngành CĐSP ghi theo quy định tại Thông tư 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/5/2014 (văn bản hợp nhất), TCSP ghi theo quy định tại Thông tư 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/8/2011).

(4) (5) ghi đủ số sinh viên tốt nghiệp của năm, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước.

1. Thông tin và kết quả về việc làm của SVTNđược khảo sát có phản hồi:

***\* Ngành 1***: (Tên ngành + Mã ngành)

- Tổng số SVTN (4): …………… (cũng là Tổng số SVTN được khảo sát)

- Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi (6): ……. [chiếm ….% so với (4)]

Dựa vào kết quả khảo sát thực tế, các đơn vị cung cấp thông tin tương ứng vào phần bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Mã ngành | Tên ngành đào tạo | **Tình hình việc làm** | | | | | Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi | Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SVTN | **Khu vực làm việc** | | | | Nơi làm việc (Tỉnh/TP) |
| ***Có việc làm*** | | | Tiếp tục học | Chưa có việc làm | Nhà nước | Tư nhân | Tự tạo việc làm | Có yếu tố nước ngoài |
| Đúng ngành đào tạo | Liên quan đến ngành đào tạo | Không liên quan đến ngành đào tạo |
| (1) | (2) | (3) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:* (13) (14) SV có việc làm = Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm + Số sinh viên tiếp tục học.

Riêng với chỉ báo *SVTN có việc làm đúng với ngành đào tạo* (8), các đơn vị cung cấp số lượng tương ứng với các tiêu chí 8a và 8b vào bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Tình hình việc làm** | |
| *Số lượng SVTN có việc làm đúng với ngành đào tạo* *(8)* | |
| *Kiến thức và kỹ năng được đào tạo đáp ứng được yêu cầu công việc đang làm*  *(8a)* | *Kiến thức và kỹ năng được đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu công việc đang làm*  *(8b)* |
|  |  |